

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 09/6/2019

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
1	TAB01	Lê Thị Thúy An	10/8/1992	Bắc Giang	8,0	5,0	5,5	5,0	5,9	Trung bình	
2	TAB02	Hoàng Thị Kiều Anh	10/4/1973	Hà Nội	7,0	5,5	5,5	4,0	5,5	Trung bình	
3	TAB03	Lê Nam Anh	16/10/1995	Bắc Giang	7,0	3,5	8,5	8,0	6,8	Trung bình	
4	TAB04	Nông Lan Anh	05/9/1994	Bắc Giang	8,5	7,0	7,0	6,0	7,1	Khá	
5	TAB05	Giáp Thị Ngọc Bích	07/7/1997	Bắc Giang	7,5	5,0	6,5	6,0	6,3	Trung bình	
6	TAB06	Nông Thị Biên	20/6/1987	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
7	TAB07	Phạm Văn Chiến	06/6/1991	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
8	TAB08	Lã Văn Chiêu	20/11/1989	Bắc Giang	7,0	6,0	7,0	4,0	6,0	Trung bình	
9	TAB09	Nguyễn Thị Chúc	27/10/1982	Lào Cai	7,0	4,5	6,0	5,0	5,6	Trung bình	
10	TAB10	Hà Thị Chung	07/6/1985	Bắc Giang	7,5	7,0	6,0	5,0	6,4	Trung bình	
11	TAB11	Nguyễn Thị Chuyên	08/8/1995	Bắc Giang	6,5	5,0	6,5	7,0	6,3	Trung bình	
12	TAB12	Đặng Thị Bạch Cúc	02/6/1997	Bắc Giang	8,5	7,0	6,0	7,0	7,1	Khá	
13	TAB13	Nguyễn Thị Kim Cúc	01/8/1989	Bắc Giang	6,5	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình	
14	TAB14	Trần Thị Cúc	13/7/1983	Bắc Giang	8,0	6,5	6,5	8,0	7,3	Khá	
15	TAB15	Nguyễn Thị Diễm	16/6/1995	Bắc Giang	7,0	5,0	5,5	6,0	5,9	Trung bình	
16	TAB16	Giáp Thị Dung	10/6/1982	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
17	TAB17	Hoàng Thị Thùy Dung	25/12/1995	Bắc Giang	8,0	6,0	5,5	6,0	6,4	Trung bình	
18	TAB18	Bùi Văn Đù	20/11/1973	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
19	TAB19	Hoàng Thị Giang	17/9/1994	Bắc Giang	8,0	5,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình	
20	TAB20	Hoàng Thị Giang	09/3/1975	Bắc Giang	6,5	6,0	5,5	4,0	5,5	Trung bình	
21	TAB21	Nguyễn Thị Giang	25/02/1995	Bắc Giang	6,0	4,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình	
22	TAB22	Nguyễn Thị Hà Giang	15/12/1993	Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
23	TAB23	Giáp Thị Thu	Hà	20/7/1969	Bắc Giang	6,5	4,0	6,0	4,0	5,1	Trung bình	
24	TAB24	Hoàng Thu	Hà	13/01/1975	Bắc Giang	6,0	5,0	5,5	4,0	5,1	Trung bình	
25	TAB25	Nguyễn Thị	Hà	16/10/1986	Bắc Giang	7,0	4,0	6,5	4,0	5,4	Trung bình	
26	TAB26	Nguyễn Văn	Hà	15/10/1975	Bắc Giang	5,5	6,5	7,0	7,0	6,5	Trung bình	
27	TAB27	Nguyễn Trung	Hải	30/4/1977	Bắc Giang	7,0	5,0	5,0	7,0	6,0	Trung bình	
28	TAB28	Nguyễn Thị	Hải	16/01/1982	Bắc Giang	8,0	7,0	5,5	6,0	6,6	Trung bình	
29	TAB29	Nguyễn Thị	Hải	14/9/1993	Bắc Giang	7,0	7,0	5,0	6,0	6,3	Trung bình	
30	TAB30	Nguyễn Thị Hải	Hạnh	29/11/1998	Bắc Giang	7,0	7,0	5,5	5,0	6,1	Trung bình	
31	TAB31	Phan Thị Mai	Hạnh	16/5/1979	Bắc Giang	6,0	5,0	6,5	4,0	5,4	Trung bình	
32	TAB32	Trần Thị	Hảo	07/02/1995	Bắc Giang	7,0	4,5	6,5	7,0	6,3	Trung bình	
33	TAB33	Ngô Thị Thanh	Hằng	10/7/1995	Bắc Giang	6,0	6,0	6,0	3,0	5,3	Trung bình	
34	TAB34	Thân Thị Thu	Hằng	19/9/1992	Bắc Giang	9,0	5,0	6,0	6,0	6,5	Trung bình	
35	TAB35	Giáp Thị	Hiền	29/8/1991	Bắc Giang	8,0	4,5	6,5	6,0	6,3	Trung bình	
36	TAB36	Hoàng Thị	Hiền	04/11/1990	Bắc Giang	8,5	3,5	6,5	4,0	5,6	Trung bình	
37	TAB37	Phạm Trung	Hiếu	12/9/1984	Bắc Giang	6,0	4,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình	
38	TAB38	Giáp Văn	Hiệu	15/02/1978	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
39	TAB39	Lại Thị	Hoa	16/4/1992	Bắc Giang	7,5	5,0	7,0	7,0	6,6	Trung bình	
40	TAB40	Nguyễn Thị	Hoa	08/01/1995	Bắc Giang	9,0	8,0	6,5	6,0	7,4	Khá	
41	TAB41	Hoàng Thị	Hòa	04/10/1993	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
42	TAB42	Hoàng Thị	Hòa	25/8/1997	Bắc Giang	7,5	5,0	6,5	6,0	6,3	Trung bình	
43	TAB43	Hà Thị	Hợp	04/6/1969	Bắc Giang	7,0	5,0	5,5	3,0	5,1	Trung bình	
44	TAB44	Nguyễn Thị	Huệ	10/11/1998	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
45	TAB45	Nguyễn Thị	Huệ	10/11/1988	Bắc Giang	9,0	5,5	5,5	6,0	6,5	Trung bình	
46	TAB46	Diệp Thị	Huyền	29/09/1996	Bắc Giang	7,5	5,5	5,5	3,0	5,4	Trung bình	
47	TAB47	Nguyễn Văn	Hung	17/10/1980	Bắc Giang	8,0	7,0	6,0	7,0	7,0	Khá	
48	TAB48	Đặng Thị	Hương	29/6/1992	Bắc Giang	7,0	6,5	6,0	5,0	6,1	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
49	TAB49	Đỗ Thị	Hương	23/9/1993	Bắc Giang	9,0	5,0	7,0	5,0	6,5	Trung bình	
50	TAB50	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/8/1982	Bắc Giang	6,5	6,0	5,0	6,0	5,9	Trung bình	
51	TAB51	Nông Thị	Hương	27/10/1992	Bắc Giang	9,0	5,0	7,0	5,0	6,5	Trung bình	
52	TAB52	Dương Thị	Hường	21/5/1994	Bắc Giang	8,0	5,0	5,0	4,0	5,5	Trung bình	
53	TAB53	Đỗ Thị	Hường	17/10/1994	Bắc Giang	7,5	5,5	5,5	8,0	6,6	Trung bình	
54	TAB54	Nguyễn Thị Bích	Hường	02/02/1997	Bắc Giang	8,0	6,0	6,5	7,5	7,0	Khá	
55	TAB55	Dương Thị	Khánh	12/9/1997	Bắc Giang	8,0	5,0	8,5	4,0	6,4	Trung bình	
56	TAB56	Nguyễn Bá	Khôi	29/4/1997	Bắc Giang	8,0	5,5	4,0	4,0	5,4	Trung bình	
57	TAB57	Nguyễn Thị	Kiều	26/10/1995	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
58	TAB58	Ngụy Thị	Lan	17/02/1984	Bắc Giang	6,0	6,0	6,5	6,0	6,1	Trung bình	
59	TAB59	Nguyễn Thị	Lan	20/12/1977	Bắc Giang	6,0	5,0	6,5	3,0	5,1	Trung bình	
60	TAB60	Vì Thị	Lập	15/04/1997	Bắc Giang	8,0	5,5	4,5	5,0	5,8	Trung bình	
61	TAB61	Đào Thị Hồng	Lê	28/01/1991	Bắc Giang	6,5	5,0	5,5	4,0	5,3	Trung bình	
62	TAB62	Lê Thị	Lệ	09/11/1996	Bắc Giang	7,0	6,0	8,0	3,0	6,0	Trung bình	
63	TAB63	Đỗ Thị Hồng	Liên	02/9/1988	Bắc Giang	7,5	6,0	6,5	8,0	7,0	Khá	
64	TAB64	Nguyễn Thị	Liên	21/5/1994	Bắc Giang	8,5	4,0	7,5	5,0	6,3	Trung bình	
65	TAB65	Phạm Thảo	Ly	24/5/1996	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
66	TAB66	Đàm Thị	Mai	28/10/1994	Bắc Giang	7,0	7,0	8,5	6,0	7,1	Khá	
67	TAB67	Nguyễn Thị	Mai	18/4/1996	Hà Nội	5,0	6,5	3,5	7,0	5,5	Trung bình	
68	TAB68	Toàn Thị	Mận	02/02/1993	Bắc Giang	6,0	5,0	6,0	6,0	5,8	Trung bình	
69	TAB69	Bùi Thị Hoàng	Minh	01/02/1991	Bắc Giang	7,0	7,0	6,0	5,0	6,3	Trung bình	
70	TAB70	Đặng Thị Thanh	Minh	26/4/1995	Hà Nội	7,5	7,0	7,5	7,0	7,3	Khá	
71	TAB71	Tô Thị	Năm	13/10/1974	Bắc Giang	6,5	4,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình	
72	TAB72	Dương Văn	Ngân	05/11/1970	Bắc Giang	8,0	6,5	6,5	7,0	7,0	Khá	
73	TAB73	Trương Thị	Ngân	02/11/1982	Bắc Giang	7,5	5,5	4,0	5,0	5,5	Trung bình	
74	TAB74	Ngọc Thị	Nghĩa	11/3/1993	Bắc Giang	7,0	6,5	6,5	8,0	7,0	Khá	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
75	TAB75	Chu Thị Mỹ	Nguyên	30/10/1976	Bắc Giang	7,5	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình	
76	TAB76	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/8/1985	Bắc Giang	7,0	5,5	6,5	3,0	5,5	Trung bình	
77	TAB77	Nông Thị	Nguyệt	26/01/1997	Bắc Giang	5,0	5,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình	
78	TAB78	Kiều Thị	Nhàn	18/09/1988	Bắc Giang	7,0	4,5	6,0	6,0	5,9	Trung bình	
79	TAB79	Nông Thị	Nở	17/5/1983	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
80	TAB80	Hoàng Thị	Phương	28/7/1982	Lào Cai	7,5	6,5	6,0	7,0	6,8	Trung bình	
81	TAB81	Nguyễn Minh	Phương	04/3/1993	Thái Nguyên	7,5	5,0	6,0	7,0	6,4	Trung bình	
82	TAB82	Nguyễn Thị Mai	Phương	26/12/1970	Bắc Giang	7,0	5,5	4,0	4,0	5,1	Trung bình	
83	TAB83	Trần Thị Thu	Phương	18/01/1994	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
84	TAB84	Nguyễn Văn	Quang	16/9/1978	Bắc Giang	7,5	5,0	5,0	6,0	5,9	Trung bình	
85	TAB85	Vi Văn	Quân	05/6/1983	Bắc Giang	7,0	3,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình	
86	TAB86	Tăng Thị	Quy	08/9/1995	Bắc Giang	8,0	6,5	5,0	5,0	6,1	Trung bình	
87	TAB87	Đào Văn	Quỳnh	10/10/1981	Thái Nguyên	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
88	TAB88	Nguyễn Thị	Sáu	02/9/1967	Bắc Giang	5,5	3,0	7,5	4,0	5,0	Trung bình	
89	TAB89	Vũ Thị	Sâm	21/11/1980	Bắc Giang	7,0	5,5	6,5	6,0	6,3	Trung bình	
90	TAB90	Nguyễn Văn	Son	07/7/1995	Nghệ An	6,0	6,0	6,5	7,0	6,4	Trung bình	
91	TAB91	Giáp Thị	Sự	13/11/1981	Bắc Giang	7,5	3,5	6,5	4,0	5,4	Trung bình	
92	TAB92	Phạm Văn	Tạo	01/01/1974	Bắc Giang	7,5	4,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình	
93	TAB93	Nông Thị Hồng	Thanh	09/11/1997	Bắc Giang	7,0	5,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình	
94	TAB94	Đỗ Thị	Thảo	12/8/1988	Bắc Giang	7,0	4,5	6,0	6,0	5,9	Trung bình	
95	TAB95	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/10/1997	Bắc Giang	8,0	5,5	7,0	8,0	7,1	Trung bình	
96	TAB96	Khúc Thị	Thoa	17/11/1995	Bắc Giang	7,5	5,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình	
97	TAB97	Thân Xuân	Thời	18/6/1996	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
98	TAB98	Bàn Thị	Thom	23/12/1996	Bắc Giang	7,0	4,5	6,0	4,0	5,4	Trung bình	
99	TAB99	Dương Thị	Thu	15/9/1994	Bắc Giang	8,0	6,0	4,5	7,0	6,4	Trung bình	
100	TAB100	Vũ Thị	Thu	13/7/1996	Bắc Giang	7,0	5,5	6,0	5,0	5,9	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
101	TAB101	Nguyễn Thị	Thùy	27/4/1991	Hung Yên	6,5	5,5	7,0	6,0	6,3	Trung bình	
102	TAB102	Hữu Thị	Thủy	25/9/1986	Bắc Giang	8,0	4,5	6,0	4,0	5,6	Trung bình	
103	TAB103	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18/12/1997	Bắc Giang	8,5	6,5	6,0	7,0	7,0	Khá	
104	TAB104	Trần Thị	Thủy	19/02/1996	Bắc Giang	7,0	4,5	6,0	4,0	5,4	Trung bình	
105	TAB105	Hà Ngọc	Thúy	01/12/1995	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
106	TAB106	Mai Thị	Thúy	09/10/1979	Bắc Giang	7,0	6,0	5,0	5,0	5,8	Trung bình	
107	TAB107	Đình Quang	Thực	08/02/1979	Bắc Giang	8,0	5,5	6,5	3,0	5,8	Trung bình	
108	TAB108	Đặng Thị	Thương	01/3/1986	Bắc Giang	6,0	4,5	6,0	4,0	5,1	Trung bình	
109	TAB109	Nguyễn Thị	Thương	30/06/1985	Bắc Giang	7,5	4,5	5,5	4,0	5,4	Trung bình	
110	TAB110	Vũ Thị Ánh	Thương	21/01/1983	Bắc Giang	7,0	5,0	5,5	5,0	5,6	Trung bình	
111	TAB111	Nguyễn Văn	Tiến	21/3/1986	Bắc Giang	6,5	5,0	5,5	6,0	5,8	Trung bình	
112	TAB112	Đàm Thị	Tranh	07/8/1993	Bắc Giang	8,0	5,5	6,0	4,0	5,9	Trung bình	
113	TAB113	Vũ Văn	Trung	18/10/1983	Bắc Giang	8,0	6,0	5,0	5,0	6,0	Trung bình	
114	TAB114	Nguyễn Văn	Tuấn	05/4/1989	Bắc Giang	7,0	3,5	6,0	4,0	5,1	Trung bình	
115	TAB115	Trần Mạnh	Tuấn	20/02/1985	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
116	TAB116	Nguyễn Văn	Túc	14/5/1996	Hà Giang	6,5	5,0	5,0	5,0	5,4	Trung bình	
117	TAB117	Tạ Văn	Tùng	04/01/1996	Bắc Giang	7,0	5,5	5,0	5,0	5,6	Trung bình	
118	TAB118	Nguyễn Thị	Tuyền	20/8/1987	Bắc Giang	8,0	5,5	5,5	5,0	6,0	Trung bình	
119	TAB119	Hà Thị	Tuyết	15/7/1978	Bắc Giang	9,0	5,5	5,5	6,0	6,5	Trung bình	
120	TAB120	Hoàng Thị	Tuyết	20/4/1991	Bắc Giang	7,0	6,0	6,0	8,0	6,8	Trung bình	
121	TAB121	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	10/10/1988	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bỏ thi
122	TAB122	Thân Thị	Tuyết	08/10/1995	Bắc Giang	7,0	4,5	6,5	8,0	6,5	Trung bình	
123	TAB123	Hoàng Thị	Út	11/5/1977	Yên Bái	6,5	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình	
124	TAB124	Phạm Thị	Vải	25/11/1990	Hung Yên	8,0	5,5	6,0	4,0	5,9	Trung bình	
125	TAB125	Ngô Thị	Vân	19/10/1989	Hung Yên	7,0	4,5	5,5	5,0	5,5	Trung bình	
126	TAB126	Nguyễn Thị	Vi	20/10/1996	Thanh Hóa	8,5	6,0	5,5	7,0	6,8	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
127	TAB127	Phan Thị Vui	01/4/1996	Bắc Giang	7,5	4,5	6,5	6,0	6,1	Trung bình	
128	TAB128	Nguyễn Thị Vững	11/9/1992	Bắc Giang	7,5	4,5	6,5	3,0	5,4	Trung bình	
129	TAB129	Nguyễn Văn Vượng	19/10/1981	Bắc Giang	6,5	5,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình	
130	TAB130	Nguyễn Thị Yên	29/01/1983	Bắc Giang	7,0	4,5	6,0	6,0	5,9	Trung bình	
131	TAB131	Nguyễn Thị Yên	21/10/1991	Bắc Giang	5,5	5,5	7,5	4,0	5,6	Trung bình	
132	TAB132	Diêm Thị Yên	20/9/1994	Bắc Giang	6,5	5,5	7,0	7,0	6,5	Trung bình	
133	TAB133	Mông Thị Hải Yên	06/12/1991	Bắc Giang	6,0	5,5	6,5	6,0	6,0	Trung bình	
134	TAB134	Ngô Thị Yên	06/02/1984	Bắc Giang	8,0	6,0	7,0	7,0	7,0	Khá	
135	TAB135	Nguyễn Thị Hải Yên	02/8/1995	Bắc Giang	6,0	4,5	6,0	7,0	5,9	Trung bình	
136	TAB136	Nguyễn Thị Hải Yên	28/5/1995	Bắc Giang	6,0	5,0	6,5	7,0	6,1	Trung bình	
137	TAB137	Trương Thị Yên	12/01/1997	Bắc Giang	8,0	4,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

137

Số thí sinh bỏ kiểm tra:

16

Số thí sinh dự kiểm tra:

121

Số thí sinh không đạt yêu cầu:

0

Số thí sinh đạt yêu cầu:

121

Trong đó:

Loại Giỏi

0

0%

Loại Khá

13

10,74%

Loại Trung bình

108

89,26%

Bắc Giang, ngày 12 tháng 6 năm 2019

Chủ tịch hội đồng kiểm tra

Thư ký Hội đồng kiểm tra

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Nghiêm Xuân Đạt